TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng

Bà Lê Thị Ngọc

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Bùi Xuân G; sinh ngày 19 tháng 7 năm 2002; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn C; con bà: Bùi Thị T; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 16/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 09/2020/HS-ST; Ngày 31/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 42/2021/HS-ST; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/01/2023, tạm giam từ ngày 11/01/2023 cho đến nay. Có mặt.

2. Phạm Đức N; sinh ngày 20 tháng 02 năm 2005; tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đức N; con bà: Bùi Thị M; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023, được giao cho người đại diện giám sát kể từ ngày 13/01/2023 đến ngày 21/02/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2023 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức N:* Bà Lê Thị Thu V, Trợ giúp viên

pháp lý, chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Lê Thế L; sinh năm: 2001; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Anh Lê Thanh C; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

3. Anh Hà Hồng Q; sinh năm: 2004; nơi cư trú: Làng M, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Phạm Văn C; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Xóm B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1. NLC1. Vắng mặt.

2. NLC2. Có mặt.

3. NLC3. Vắng mặt.

4. NLC4. Có mặt.

5. NLC5. Có mặt.

6. NLC6. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do quen biết nên chiều ngày 03/01/2023 Bùi Xuân G, trú tại làng M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá rủ Phạm Đức N, sinh ngày 20/02/2005, trú tại thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định về nhà chơi. Sau đó G rủ N đi ăn cơm, uống rượu đến khoảng 01 giờ ngày 04/01/2023 G mượn xe mô tô biển kiểm soát 36K5-010.23 của anh Bùi Văn H, trú tại làng P, xã N chở N đi về, khi đi đến nhà Lê Thế L, trú tại thôn N, xã N, G thấy trong sân nhà anh L có chiếc xe mô tô, quan sát thấy gia đình đã tắt điện đi ngủ G bảo N đợi bên ngoài, G đi vào sân dắt chiếc xe ra, do không có chìa khóa nên G và N đã thay nhau dắt đi đến khu vực giáp ranh giữa trụ sở UBND xã và Trường mầm non xã N thì dừng lại G tìm cách đấu điện mở khóa nhưng không được nên đã vứt bỏ lại chiếc xe ở đó. G tiếp tục điều khiển xe chở N quay lại đến gần nhà anh L, G bảo N đứng ngoài chờ, G đi vào nhà anh Lê Thanh C dắt trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-327.28 của anh C đang dựng ngoài sân, do không có chìa khóa nên G và N tiếp tục thay nhau dắt xe đến địa phận làng P, xã N thì dừng lại, G đưa điện thoại di động để N bật đèn chiếu sáng cho G tháo mặt nạ đấu điện mở khóa xe nhưng không được thì bị Công an xã N phát hiện, G điều khiển xe bỏ chạy, N bị bắt cùng tang vật. Đến ngày 05/01/2023 Bùi Xuân G bị bắt giữ. Ngoài ra, quá trình điều tra Bùi Xuân G thừa nhận vào ngày 25/12/2022, G lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-

175.30 của anh Hà Hồng Q, trú tại làng M, xã P, huyện N đem bán cho anh Phạm Văn C, trú tại xóm X, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định lấy số tiền 4.500.000đ tiêu xài.

Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2023 của Hội đồng định giá UBND huyện Ngọc Lặc kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-327.28, nhãn hiệu Honda Future, màu đen - nâu có giá trị là 22.120.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá UBND huyện Ngọc Lặc kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-175.30 nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh - đen - bạc có giá trị là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng); chiếc xe mô tô nhãn hiệu PRETY, màu nâu có giá trị là 1.167.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS-NL ngày 24 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Bùi Xuân G về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS); bị cáo Phạm Đức N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Bùi Xuân G mức án từ 36 tháng đến 39 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 BLHS: xử phạt bị cáo Phạm Đức N mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo G không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định; bị cáo N phạm tội khi dưới 18 tuổi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; anh Phạm Văn C không yêu cầu bị cáo G phải trả lại số tiền đã bỏ ra để mua lại xe mô tô nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37FW. Các vật chứng còn lại đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của VKS.

Bị hại anh Lê Thanh C và người làm chứng anh Bùi Văn H, anh Bùi Văn H1, anh Hoàng Tấn Đ, ông Lê Văn N đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Trong quá trình điều tra, bị hại anh Lê Thế L, anh Hà Hồng Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn C và người làm chứng anh Lương Minh H, chị Lê Thị T đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Anh Phạm Văn C không yêu cầu bị cáo G phải trả lại số tiền đã bỏ ra để mua lại xe mô tô.

Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức N: Thống nhất với tội danh mà đại diện VKSND đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng cho bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, tuổi đời còn trẻ, nhận thức còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án từ 08 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh:

Khoảng 01 giờ ngày 04/01/2023, Bùi Xuân G và Phạm Đức N lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác, quan sát thấy không có ai để ý, đã lén lút lấy trộm 01 (Một) chiếc xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu PRETY của anh Lê Thế L ở Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá, tài sản tại thời điểm trộm cắp có giá trị 1.167.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và 01 (Một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-327.28, nhãn hiệu Honda Future, màu đen - nâu của gia đình anh Lê Thanh C ở Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá, tài sản tại thời điểm trộm cắp có giá trị 22.120.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản các lần trộm cắp của các bị cáo là 23.287.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, khoảng 22 giờ ngày 25/12/2022, bị cáo G còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp 01 (Một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-175.30 nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh - đen - bạc của anh Hà Hồng Q ở Làng M, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá, tài sản tại thời điểm trộm cắp có giá trị 11.000.000 (Mười một

triệu đồng); tổng giá trị tài sản các lần trộm cắp của bị cáo G là 34.287.000đ (Ba mươi bốn triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Bị cáo G đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Xuân G đã có hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Phạm Đức N đã có hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Xét vai trò đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo G là người khởi xướng, chủ động trộm cắp tài sản, bị cáo N giúp sức trong việc dắt xe, soi đèn pin nên bị cáo G có vai trò cao hơn bị cáo N trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo G phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 01 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo N phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Bị cáo Phạm Đức N thực hiện hành vi phạm tội khi đang trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên cần áp dụng khoản 1 Điều 101 BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo G phạm tội 02 lần trở lên và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo N có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên chưa cần cách ly khỏi xã hội mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt là phù hợp với Điều 65 BLHS.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo G không có tài sản nào có giá trị, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; bị cáo N phạm tội khi dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; anh Phạm Văn C không yêu cầu bị cáo G phải trả lại số tiền đã bỏ ra để mua lại xe mô tô nên không xem xét.

[9] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

01 (Một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-327.28, nhãn hiệu Honda Future, màu đen – nâu; 01 (Một) chiếc xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu PRETY, màu nâu; 01 (Một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-175.30 nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh – đen – bạc. Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37FW của bị cáo G là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe môtô biển kiểm soát 36K5-010.23 nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, bị cáo G sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, xác định khi bị cáo G mượn xe môtô của anh Bùi Văn H1 chỉ nói là để chở N đi về nên anh H1 không biết bị cáo G sử dụng xe môtô của mình làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật và hành vi của anh H1 không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với hành vi của anh Phạm Văn C là người đã mua lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-175.30 mà bị cáo G trộm cắp, khi trao đổi mua bán anh C không biết tài sản bị cáo G bán cho mình là tài sản trộm cắp. Do vậy, hành vi của anh C không có dấu hiệu tội phạm hình sự, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Lặc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Bùi Xuân G 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 05/01/2023).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17;

Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Phạm Đức N 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Đức N cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37FW (Chi tiết theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc).

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L, anh Q có quyền kháng cáo bản án này, anh C có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA huyện Ngọc Lặc;
- CQTHAHS CA huyện Ngọc Lặc;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Văn Thịnh